

UBND XÃ DIỄN CHÂU
TRƯỜNG THCS DIỄN BÍCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 15/QĐ- THCSDB

Diễn Châu, ngày 4 tháng 2 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách năm 2026

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/Tt-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 20/QĐ-UBND xã Diễn Châu về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025

Xét đề nghị của kế toán Trường THCS Diễn Bích ;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán thu - chi ngân sách năm 2025 của Trường THCS Diễn Bích

(Có biểu mẫu chi tiết kèm theo)

Điều 2: Thời gian từ ngày 04 tháng 02 năm 2026 đến ngày 04 tháng 03 năm 2026

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Kế toán đơn vị và các bộ phận liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Lưu :VT, KT

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Nguyễn Văn Hoàn

Biểu số 3

Đơn vị: Trường THCS Diễn Bích

Chương: 822

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường THCS Diễn Bích công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách năm 2026 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước				

3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	9.692.056.000	9.692.056.000	99%	
3.1	KP không thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm		19.350.000	100%	
	Giáo dục trung học cơ sở		19.350.000		
1	Phụ cấp lương				
	Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ				
2	Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học		19.350.000		
	Học bổng học sinh, sinh viên học trong nước (không bao gồm học sinh dân tộc nội trú)				
	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập		19.350.000		
3	Tiền thưởng		52.132.000		
	Thưởng thường xuyên		52.132.000		
4	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn		76.874.395		
	Tài sản và thiết bị khác		15.000.000		
5	Chi khác		61.874.395		
	Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ		7.800.000		
3.2	KP thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm		9.050.955.000	99%	
	Giáo dục trung học cơ sở		9.050.955.000		
1	Tiền lương		4.833.679.108		
	Lương theo ngạch, bậc		4.833.679.108		
2	Phụ cấp lương		2.432.524.770		
	Phụ cấp chức vụ		36.504.000		
	Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ				
	Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm		11.232.000		
	Phụ cấp ưu đãi nghề		1.380.994.785		
	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc		11.232.000		
	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề		992.561.985		
3	Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học		50.113.000		
	Sinh hoạt phí cán bộ đi học		50.113.000		
4	Các khoản đóng góp		1.319.719.145		
	Bảo hiểm xã hội		1.037.373.652		
	Bảo hiểm y tế		177.209.266		
	Kinh phí công đoàn		48.141.068		
	Bảo hiểm thất nghiệp		56.995.159		
5	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân		28.641.600		

	Chi khác		28.641.600		
6	Thanh toán dịch vụ công cộng		53.147.500		
	Tiền điện		31.774.500		
	Tiền nước		21.373.000		
	Tiền vệ sinh, môi trường				
7	Vật tư văn phòng		21.740.000		
	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng		6.400.000		
	Vật tư văn phòng khác		15.340.000		
8	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		6.967.000		
	Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng		3.483.000		
	Tuyên truyền, quảng cáo		624.000		
	Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí thư viện		2.860.000		
	Khác				
9	Công tác phí		10.350.000		
	Tiền vé máy bay, tàu, xe				
	Phụ cấp công tác phí		10.350.000		
	Tiền thuê phòng ngủ				
	Khoản công tác phí				
10	Chi phí thuê mướn				
	Chi phí thuê mướn khác				
11	Sửa chữa, duy tu, bảo trì, bảo dưỡng tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng		64.134.000		
	Nhà cửa		42.735.000		
	Các thiết bị công nghệ thông tin		16.119.000		
	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác		5.280.000		
12	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành		89.899.540		
	Chi mua hàng hóa, vật tư		52.807.740		
	Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động		6.000.000		
	Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành		3.553.000		
	Chi khác		27.538.800		
13	Chi khác		44.255.000		
	Chi tiếp khách		20.200.000		
	Chi các khoản khác		24.055.000		
14	Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoán chi và đơn vị sự nghiệp có thu theo chế độ quy định		18.909.942		
	Chi lập Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ dự phòng ổn định thu nhập		945.497		
	Chi lập Quỹ phúc lợi		15.127.954		

	Chi lập Quỹ khen thưởng		945.497		
	Chi lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp		1.890.994		
3.3	KP không tự chủ sau 30/9, tính chất nguồn 15				
	Giáo dục trung học cơ sở				
1	Chi hỗ trợ và giải quyết việc làm				
	Chi tính gián biên chế				
3.4	KP Khen thưởng		480.940.000		
	Giáo dục trung học cơ sở				
1	Tiền thưởng				
	Thưởng thường xuyên		480.940.000		

Diễn Châu, ngày 04 tháng 02 năm 2026


 TRƯỞNG
 TRUNG HỌC CƠ SỞ
 DIÊN BÍCH
 Nguyễn Văn Hoàn